TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 18/2023/DS-ST Ngày 31 tháng 5 năm 2023 V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Yêu cầu công nhận di sản thừa kế	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tường Duy Bình, bà Nguyễn Thị Yên.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phan Thị Lệ Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên tòa:* Bà Lý Hoàng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án thụ lý số: 14/TL-DSST ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận di sản thừa kế, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/QĐST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Bùi Thị M, sinh năm 1948. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1957. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

3. Ông Mai Xuân D, sinh năm 1948. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Xuân D là Trịnh Thị H, sinh năm 1957. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2022), có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Thành T3, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tiểu khu X, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

2- Chị Mai Thị Th, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tiểu khu X, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Mai Thị Th là anh Phạm Thành T3, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tiểu khu X, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/01/2023), có mặt.

3. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

4. Anh Nguyễn Văn H4, sinh năm 1965. Địa chỉ: Tiểu khu 84/85, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị M1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tiểu khu Y, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tiểu khu X, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Chị Bùi Thị T3, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tiểu khu Cơ Quan, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Anh T2, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tiểu khu Cơ Quan, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Minh V1, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tiểu khu Cơ Quan, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI D1 VỤ ÁN:

* ***Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Bích T1 trình bày:***

Nguồn gốc đất tranh chấp là di sản do bố anh chị là ông Nguyễn Văn Đ để lại không có di chúc. Năm 2004 được Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V412322 cấp ngày 09/4/2004 mang tên hộ gia đình bà Bùi Thị M, trong đó có các thành viên trong gia đình, đồng thời phần diện tích đất bà M đã chuyển nhượng cho ông M1 Xuân D và bà Trịnh Thị H là tài sản chung của các thành viên trong gia đình. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ gia đình bao gồm: Chủ hộ là bà Bùi Thị M và anh, chị. Đồng thời

phần diện tích đất bà M chuyển nhượng cho ông M1 Xuân D, bà Trịnh Thị H là di sản thừa kế do ông Đắc để lại.

Như vậy, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích 100m^2 đất thổ cư giữa bà M với ông D, bà H không có sự đồng ý của các thành viên trong gia đình là trái pháp luật. Anh, chị đề nghị Tòa án công nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M là di sản do ông Đ để lại; hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M với bà H liên quan đến phần diện tích đất 5m mặt đường chạy dài 35m và hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M với bà H liên quan đến phần diện tích 388m^2.

** Bị đơn bà Bùi Thị M trình bày:*

Nhất trí với phần trình bày của anh T, chị T1. Khoảng năm 2010 bà chuyển nhượng cho bà H, ông D 100m^2 đất tại tiểu khu Bệnh Viện 1, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, lập giấy viết tay với giá 45.000.000 đồng, ngoài ra không chuyển nhượng cho ai ngoài diện tích này. Qua xem xét hồ sơ vụ án, bà thấy ông D, bà H cung cấp 05 bản chính giấy chuyển nhượng nhà ở, đất ở, 02 bản chính hợp đồng mượn tài sản, trong đó thửa đất có diện tích 100m^2 đất ở và phần đất vườn 388m^2 được lập nhiều hợp đồng chuyển nhượng về cùng một thửa đất. Bà không xác định được việc chuyển nhượng theo hợp đồng nào và diện tích đất chuyển nhượng 100m^2 hay 165m^2. Trong 05 hợp đồng thì hợp đồng có chữ ký thật, có hợp đồng giả. Việc ông D, bà H yêu cầu bà ký vào nhiều hợp đồng chuyển nhượng là hành vi lừa dối bà. Việc và tự ý chuyển nhượng một phần đất ở cho bà H, ông D mà không có sự đồng ý của các thành viên trong gia đình là trái quy định. T1 bộ tài sản là quyền sử dụng đất là di sản thừa kế do ông Đắc (chồng bà) để lại nên việc bà chuyển nhượng mà không có ý kiến của các đồng thừa kế là không đúng.

Bà đề nghị Tòa án tuyên hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với ông D, bà H liên quan đến diện tích đất tại tiểu khu B, thị trấn Nông Trường Mộc Châu xác lập ngày 16/01/2010 và ngày 28/01/2010.

Đối với yêu cầu công nhận di sản thừa kế đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn là bà Trịnh Thị H, ông M1 Xuân D trình bày:*

Ngày 16/01/2010 bà M có lập giấy chuyển nhượng đất thổ cư cho bà với diện tích 100m^2 trong tổng 250m^2 đất thổ cư của bà M với giá 20.000.000 đồng, hai bên đã nhận tiền, nhận đất không có tranh chấp.

Ngày 28/01/2010 do không có tiền, bà M tiếp tục lập giấy chuyển nhượng đất canh tác lâu dài cho bà ông diện tích 388m^2 tài sản trên đất gồm: 19 cây mận, 01 cây xoan, thỏa thuận bằng miệng là 25.000.000 đồng nhưng trong giấy chuyển nhượng không ghi rõ số tiền. Ông bà được xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ mang tên bà Bùi Thị M và sổ hộ khẩu có tên anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Bích T1 khi đó đang là học sinh.

Ngày 06/3/2010 bà M tiếp tục làm thủ tục giấy thỏa thuận giá chuyển nhượng đất cho ông bà và bà M đã nhận đủ 45.000.000 đồng, do thiếu hiểu biết nên hai ông bà không ghĩ rõ số tiền 45.000.000 đồng là tiền chuyển nhượng 02 thửa đất trên. Bà M đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà để làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao đất chuyển nhượng, sau đó bà Nguyễn Thị Hà là tiểu khu trưởng ký xác nhận.

Ngày 07/3/2014 bà M làm nhà nên đã để nhờ vật liệu trên đất của ông bà. Hai bên xác lập hợp đồng mượn tài sản nội D1 ông D cho bà M mượn 01 mảnh đất cùng chung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thời hạn hợp đồng đến hết ngày 30/12/2014. Hợp đồng được chứng T3 tại Văn phòng Công chứng Thảo Nguyên. Sau đó, bà M mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để là thủ tục thế chấp cho con gái vay tiền làm ăn, ông bà đồng ý, do là hàng xóm tin tưởng nhau nên không kèm theo điều kiện gì.

Ngày 26/9/2014, ông bà đã chuyển nhượng thửa đất 388m^2 cho con gái và con rể là anh Phạm Thành T3 và chị M1 Thị Thảo, nội D1 xác lập giấy chuyển nhượng như sau: Bên chuyển nhượng là là Bùi Thị M, bên nhận chuyển nhượng là anh Phạm Thành T3, chị M1 Thị Thảo với diện tích 416m^2 (dài 26, rộng 16m, vị trí cụ thể khớp với giấy chuyển nhượng đất canh tác lâu dài xác lập ngày 28/01/2010 và ngày 06/3/2010 giữa bà M với ông bà.

Đến ngày 09/02/2015 ông bà đã chuyển nhượng thửa đất 165m^2 cho anh Nguyễn Văn H1, với giá 137.000.000 đồng, nội D1 xác lập giấy chuyển nhượng như sau: Bên chuyển nhượng là là Bùi Thị M, bên nhận chuyển nhượng là anh Nguyễn Văn H1 với diện tích 165m^2 (dài 35, rộng 5m).

Sau đó anh Nguyễn Văn T đã thuê máy về đào rãnh phân ranh giới hai bên, anh T3 đã xây tường bao quanh đất của mình, chặt cây xoan bán cho anh Ba. Ngày 26/9/2017 anh T3 yêu cầu bà M trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà M không trả nên xảy ra tranh chấp. Sự việc đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường Mộc Châu đã H1 giải nhưng không thành.

Trước đó, ông bà đã khởi kiện bà Bùi Thị M ra Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu về việc yêu cầu bà M chấp nhận thỏa thuận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị M với bà Trịnh Thị H và ông M1 Xuân D, buộc bà M phải tiếp tục T3 hiện hợp đồng đã chuyển nhượng và làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà nên bà M đã có giấy chuyển nhượng 388m^2 đất cho anh T3, chị Thảo và 100m^2 cho anh Nguyễn Văn H1 là con rể ông bà nên ông bà không tiếp tục khởi kiện.

Nay, ông bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M với anh T3, chị Thảo, giữa bà M với anh H1, buộc bà M phải T3 hiện giao dịch và làm thủ tục tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như thỏa thuận. Không nhất trí công nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M là di sản thừa kế theo pháp luật do ông Đắc để lại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Văn H1 trình bày:*

Năm 2015, anh có nhận chuyển nhượng của ông Mai Xuân D và bà Trịnh Thị H 01 thửa đất có nguồn gốc của bà Bùi Thị M chuyển nhượng cho bà H và ông D vào năm 2010 (Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Thị M).

Để làm thủ tục tách Giấy chứng nhận theo quy định, ngày 09/02/2015 anh và bà M có thống nhất làm giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với với thửa đất bà M đã chuyển nhượng cho ông bà H, D năm 2010, kích thước của thửa đất rộng 5m x35m chiều dài. Anh và bà M đã tự nguyện làm giấy chuyển nhượng và cùng ký tên xác nhận. Tuy nhiên đó là làm thủ tục cho hợp lệ để anh H1 đủ điều kiện làm thủ tục tách bìa theo quy định. Sau khi làm giấy nhận chuyển nhượng, đến năm 2017 anh đã xây dựng một căn nhà xây lợp tôn để làm nơi ở, quá trình làm nhà bà M và anh T, chị T1 đều biết và không có ý kiến gì.

Nhưng, từ khi làm giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà M đến nay đã gần 05 năm, anh đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà M vẫn không T3 hiện cam kết việc chuyển nhượng tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh.

Nay anh yêu cầu Tòa án xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M với bà H để bà H chuyển nhượng lại diện tích cho anh. Anh không nhất trí với việc công nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M là di sản thừa kế theo pháp luật do ông Đ để lại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Phạm Thành T3 và chị Mai Thị Thảo trình bày:*

Năm 2014 vợ chồng anh, chị có nhận chuyển nhượng của ông bà Mai Xuân D và bà Trịnh Thị H mảnh đất có nguồn gốc của bà Bùi Thị M chuyển nhượng cho bà Trịnh Thị H và ông Mai Xuân D vào năm 2010.

Để làm thủ tục tách Giấy chứng nhận theo quy định, ngày 26 tháng 9 năm 2017 bà M nhận làm thủ tục chuyển nhượng cho vợ chồng anh, chị thửa đất trên, thửa đất có kích thước dài 26m x rộng 16m, hai bên đã tự nguyện nhất trí ký vào giấy chuyển nhượng. Sau khi nhận chuyển nhượng anh chị đã đổ cột bê tông và rào dây thép gai bao quanh khu đất.

Trước đó bà Bùi Thị M đã lên gặp ông Mai Xuân D nói là mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đi tách bìa phần đất đã chuyển nhượng. Ngày 07/3/2014 bà M và ông D đã đến phòng Công chứng Thảo Nguyên ở thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu làm thủ tục mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; việc chuyển nhượng đất giữa bà M và anh chị là để làm thủ tục tách bìa theo quy định, nhưng từ thời điểm đó cho đến nay bà Bùi Thị M không thực hiện cam kết thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho gia đình anh, chị không trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh chị để làm thủ tục tách bìa như đã cam kết.

Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu xét xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị M với với bà H, để bà H

chuyển nhượng lại cho anh chị. Anh chị không nhất trí với việc công nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất đã cấp cho bà M là di sản thừa kế do ông Đ để lại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:Anh Nguyễn Văn H4, chị Nguyễn Thị M1, chị Nguyễn Thị D1, chị Bùi Thị T3, anh Nguyễn Anh T2, anh Nguyễn Minh V1 trình bày:*

Ngày 03/11/1993, Uỷ ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà M được sử dụng tại tờ bản đồ số 03, thửa đất 147 diện tích 1.250 m^2, trong đó: 200 m^2 đất ở thời hạn lâu dài và 1.050 m^2 thời hạn: tạm giao, địa chỉ thửa đất: Tiểu khu Bệnh viện 1, thị trấn Nông Trường Mộc Châu.

Bố đẻ, ông nội các anh chị là ông Nguyễn Văn Đ đã chết năm 1997, không để lại di chúc, di sản bố anh chị để lại sau khi chết trong đó có căn nhà, bếp 85m^2, mảnh đất bao gồm 150m^2 đất thổ cư, 1.092m^2 đất vườn, gia đình các anh chị tính đến thời điểm này vẫn chưa tiến hành khai nhận di sản thừa kế và chia di sản thừa kế. Các anh chị cũng chưa tham gia vào việc vào bất cứ giao dịch, cam kết, thỏa thuận, định đoạt đối với di sản đó. Các anh chị cho rằng việc bà Bùi Thị M tự ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H, phần diện tích đất 5m mặt đường chạy dài 35m và 388m^2 đất vườn tại Tiểu khu Bệnh Viện 1, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La mà không có sự đồng ý của các anh chị là trái pháp luật.

Nay các anh chị đề nghị: Yêu cầu Tòa án công nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu cấp cho bà Bùi Thị M là di sản thừa kế của ông Đắc để lại. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M với bà, ông D liên quan đến phần diện tích đất 5m mặt đường chạy dài 35m và phần diện tích 388m^2 tại tiểu khu Bệnh Viện 1, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu.

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của các đương sự. Tòa án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ và Quyết định thành lập Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản với diện tích đất tranh chấp theo quy định của pháp luật cụ thể như sau:

Về kết quả thẩm định tại chỗ và định giá ngày 24/02/2023:

I. Đối với tài sản là phần diện tích đất đang có tranh chấp:

- Phần diện tích đất đang có tranh chấp giữa bà M, bà H, anh H1: có tổng diện tích là 157,39m^2.

Phía Bắc giáp phần diện tích đất giữa bà M, bà H, anh T3 đang tranh chấp từ M18 đến M19 rộng 5,12m; phía Tây giáp đường dân sinh từ M18 đến M24 dài 5,77m, từ M24 đến M26 dài 9,92m, từ M26 đến M28 dài 8,41m, từ M28 đến M29 dài 7,10m; phía Nam giáp đượng nội thị đi tiểu khu 32 và tiểu khu 40 từ M29 đến M30 rộng 4,1m; phía Đông giáp đất bà M quản lý sử dụng từ M30 đến M19 là 31,7m và từ M18 đến M19 là 1,5m.

Vị trí 1 diện tích 101,5m^{2}x 1,2 x 2.700.000đ = 328.860.000 đồng.

Vị trí 2 diện tích 55,89m^2 x 1 x 1.620.000đ = 90.541.800 đồng.

Tổng giá trị là 419.401.800đ (Bốn trăm mười chín triệu bốn trăm linh một nghìn tám trăm đồng).

- Phần diện tích đất đang có tranh chấp giữa bà M, bà H, anh T3: có tổng diện tích là 377,3m^2.

Phía Bắc và phía Tây giáp đường dân sinh từ M7 đến M8 là 10m, từ M8 đến M11 là 4,6m, từ M11 đến M13 là 5,9m, từ M13 đến M15 là 9,5m, từ M15 đến M17 là 5,1m, từ M17 đến M18 là 2,5m; phía Nam giáp đất bà M đang quản lsy sử dụng từ M19 đến M4 là 22,0m và giáp đất bà M, bà H, anh H1 đang có tranh chấp từ M18 đến M19 là 5,12m; phía Đông giáp đất bà Uấn từ M5 đến M6 là 17,08m.

Vị trí 1 diện tích 204,5m^2 x 1x 1.620.000đ = 331.290.000 đồng.

Vị trí 2 diện tích 172,8m^2 x 1 x 1.220.000đ = 210.816.800 đồng.

Tổng giá trị là 542.106.000 đồng.

- Phần diện tích đất bà M đang quản lý sử dụng: Có tổng diện tích là 663,7m^2. Phía Bắc giáp đất bà M, bà H, anh T3 đang tranh chấp từ M4 đến M19 là 22,0m; phía Tây giáp đất bà M, bà H, anh H1 đang tranh chấp từ M30 đến M19 là 31,7m; phía Nam giáp đường đi tiểu khu 40 từ M1 đến M30 là 21,7m; phía Đông giáp đất bà Hà Thị U từ M1 đến M4 dài 30,10m.

II. Đối với tài sản trên đất:

Nhà thưng vách tôn, tường lửng 1,2m, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng, diện tích 76,92m^2 x 2.768.984 đồng = 212.990.249 đồng, khấu hao 51.117.660 đồng. Giá trị còn lại 161.872.589 đồng.

Nhà thưng vách tôn, tường lửng 1,2m, mái lợp tôn, nền lát gạch, diện tích 51.15m^2 x 2.960.069 đồng = 151.407.529 đồng, khấu hao 36.337.807 đồng. Giá trị còn lại 115.069.722 đồng.

Gác xép sàn gỗ có diện tích 51.15m^2 x 194.000 đồng = 9.923.100 đồng, khấu hao 5.953.860 đồng. Giá trị còn lại 3.969.240 đồng.

Nhà bếp, tường xây gạch block, mái lợp fibroximăng, nền láng vữa xi măng, diện tích 29.32m^2 x 2.681.128 đồng = 78.610.673 đồng, khấu hao 47.166.404 đồng. Giá trị còn lại 31.444.269 đồng.

Tường bao B40, cột thép hình, cao 1,2m (được anh T xây năm 2022) có diện tích 52,08m^2 x 169.000 đồng = 8.801.520 đồng, khấu hao 880.152 đồng. Giá trị còn lại 7.921.368 đồng.

Sân bê tông diện tích 11,4m^2: 11,4m^2 x 220.000 đồng = 2.508.000đồng , khấu hao 752.400 đồng. Giá trị còn lại 1.755.600 đồng.

Giếng kHn dân dụng 22.896.000 đồng, khấu hao 13.737.000 đồng. Giá trị còn lại 9.158.400 đồng.

01 cây nhãn cho quả trên 10 năm tuổi: 3.000.000 đồng

01 cây quất hồng bì cho quả cho quả từ 03 đến dưới 05 năm 90.000 đồng

Tổng giá trị tài sản trên đất đang có tranh chấp là: 334.218.188 đồng.

Tòa án xác minh với văn phòng Công chứng Thảo Nguyên, công chứng viên ông Đặng Xuân M cho biết: Ngày 07/3/2014 ông M1 Xuân D và bà Bùi Thị M đến Văn phòng Công chứng Thảo Nguyên để làm thủ tục công chứng hợp đồng mượn tài sản là 01 mảnh đất cùng chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V412322 vào sổ cấp giấy số 00049 QSDĐ/323-QĐ-UB do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 09/4/2004.

Tòa án xác minh anh Bùi Văn Đ, trú tại tiểu khu 40, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, anh Đại cho biết: Vào khoảng cuối năm 2014 anh được bà Bùi Thị M thuê xây tường rào và nhà vệ sinh, tại thời điểm đó bà Bùi Thị M là người trực tiếp chỉ mốc giới cho thợ của anh xây nhà vệ sinh và tường rào. Tại thời điểm đó diện tích đất bên anh H1 mới chỉ múc đất san nền nhưng chưa xây dựng gì.

Tòa án xác minh ông Phan Văn D, trú tại: tiểu khu Bệnh Viện, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, ông D cho biết: Ông làm tiểu khu trưởng từ năm 2009 đến 2012, ông được ký xác nhận vào 02 giấy chuyển nhượng đất giữa bà Bùi Thị M với bà Trịnh Thị H lập ngày 16/01/2010 và ngày 28/01/2010, còn việc thanh toán tiền từ việc chuyển nhượng ông không được biết, nay các bên có tranh chấp ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án xác minh bà Nguyễn Thị H, trú tại: tiểu khu Bệnh Viện, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, bà H cho biết: Bà làm tiểu khu trưởng từ tháng 7/2012 đến tháng 7/2019, bà được ký xác nhận vào giấy chuyển nhượng đất giữa bà Bùi Thị M với bà Trịnh Thị H, giữa bà M với ông Nguyễn Văn H1, việc ký xác nhận do các bên nhận chuyển nhượng đất từ năm 2010, nay các bên có tranh chấp bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án xác minh ông Lường Văn Quân, trú tại: tiểu khu Bệnh Viện, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, ông Quân cho biết: Khoảng năm 2015 gia đình ông có hỏi bà H và bà M mượn diện tích đất khoảng 400m^2 để trồng ngô, quá trình sử dụng trên đất có mấy cây mận đã già cỗi nên ông có hỏi bà H và bà M chặt để làm củi, trong thời gian đó ông thấy không ai có tranh chấp gì, nay các bên có tranh chấp bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

* ***Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã T3 hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã T3 hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 127 Luật đất đai năm 2003; Điều 121, 122, 689 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 649, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 6 Điều 26; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/20196/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc công nhận di sản thừa kế của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Bích T1 như sau:

- Công nhận ½ giá trị quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V412322 mang tên Bùi Thị M, do Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu cấp ngày 09/4/2004 và ½ giá trị tài sản được đưa vào sử dụng năm 1982 là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đắc để lại cho các đồng thừa kế gồm: bà Bùi Thị M, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Bích T1, anh Nguyễn Văn H4; chị Nguyễn Thị M1; chị Nguyễn Thị D1, anh Nguyễn Minh Đ (chết năm 2018), có vợ là Bùi Thị T3, và 02 con anh Nguyễn Anh T2, Nguyễn Minh V1.

2. Không chấp yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 16/01/2010 và ngày 28/01/2010 giữa bà Bùi Thị M với ông Mai Xuân D và bà Trịnh Thị H.

3. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 16/01/2010 và ngày 28/01/2010 giữa bà Bùi Thị M và bà Trịnh Thị H có hiệu lực pháp luật.

- Giao diện tích đất 157,39m^2 tại tiểu khu Bệnh Viện 1, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu cùng tài sản trên đất gồm: Nhà thưng vách tôn, tường lửng 1,2m, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng, diện tích 76,92m^2; nhà thưng vách tôn, tường lửng 1,2m, mái lợp tôn, nền lát gạch diện tích 51.15m^2; gác xép sàn gỗ diện tích 51,15m^2; bếp, tường xây gạch block, mái lợp fibroximăng, nền láng vữa xi măng, diện tích 29,32m^2; sân bê tông, diện tích 11,4m^2; 01 giếng kHn dân dụng cho anh Nguyễn Văn H1 quản lý sử dụng.

- Giao diện tích đất 377,3m^2 tại tiểu khu Bệnh Viện 1, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, cùng tài sản trên đất gồm: 01 cây nhãn cho quả trên 10 năm; 01 cây quất hồng bì cho quả từ 03 đến dưới 05 năm; tường bao B40, cột thép, cao 1,2m diện tích 52,08m^2 cho anh Phạm Thành T3 và chị Mai Thị Thảo quản lý sử dụng.

Anh Phạm Thành T3 và chị Mai Thị Thảo có trách nhiệm thanh toán số tiền 7.921.400đ (Bảy triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn, bốn trăm đồng) cho anh Nguyễn Văn T.

Bà Bùi Thị M và bà Trịnh Thị H, anh Phạm Thành T3, chị Mai Thị Thảo, anh Nguyễn Văn H1 có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc chuyển nhượng theo đúng quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

+ Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001904 ngày 10/12/2018.

Chấp nhận ngày 13/01/2022 Chi cục thi hành dân sự huyện Mộc Châu đã trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền 6.800.000 đồng, do anh T đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003695 ngày 12/6/2020 và số AA/2019/0001191 ngày 30/3/2021.

+ Chị Nguyễn Thị Bích T1 phải chịu 300.000 đồng dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001915 ngày 14/12/2018.

Chấp nhận ngày 13/01/2022 Chi cục thi hành dân sự huyện Mộc Châu đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích T1 số tiền 300.000 đồng, do chị T1 đã nộp theo biên lai số AA/2019/0002254 ngày 06/4/2021.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với bà Bùi Thị M.

+ Trả lại cho Phạm Thành T3, chị Mai Thị Thảo số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0001017 ngày 03/9/2020, tại Chi cục thi hành án huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

+ Trả lại cho anh Nguyễn Văn H1 số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0001018 ngày 03/9/2020 tại Chi cục thi hành dân sự huyện Mộc Châu.

+ Trả lại cho ông Mai Xuân D, bà Trịnh Thị H số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000651 ngày 12/9/2018, chấp nhận ngày 13/01/2022 Chi cục thi hành dân sự huyện Mộc Châu đã hoàn trả số tiền trên cho ông Mai Xuân D, bà Trịnh Thị H.

Về chi phí tố tụng: Buộc chị Nguyễn Thị Bích T1, bà Bùi Thị M có trách nhiệm trả cho anh T số tiền 3.000.000 đồng tiền chi phí tố tụng, theo phần: Bà Bùi Thị M 1.500.000 đồng; chị Nguyễn Thị Bích T1 1.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi giải quyết và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Đồng nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Bích T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu cấp cho bà Bùi Thị M

theo Giấy chứng nhận số V412322 cấp ngày 09/4/2004 là di sản thừa kế theo pháp luật do bố đẻ anh T, chị T1 là ông Nguyễn Văn Đ để lại, đồng thời đề nghị Tòa án hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị M với bà Trịnh Thị H, ông Mai Xuân D liên quan đến phần diện tích tại Tiểu khu Bệnh Viện 1, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu.

Như vậy, xác định đây là vụ án dân sự Yêu cầu công nhận di sản thừa kế và tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đất có tranh chấp tại vị trí huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Phiên tòa được mở công khai lần hai, tất cả các lần mở phiên tòa Tòa án đều triệu tập hợp lệ các đương sự. Tuy nhiên bị đơn bà Bùi Thị M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H4, chị Nguyễn Thị D1, chị Nguyễn Thị M1, chị Bùi Thị T3, anh Nguyễn Anh T2; anh Nguyễn Minh V1 vắng mặt lần thứ hai, tại các lời trình bày trong quá trình tố tụng đều xin vắng mặt; chị Mai Thị Thảo vắng mặt nhưng chị đã ủy quyền cho anh Phạm Thành T3 quyết định các nội D1 và nêu ý kiến; bị đơn ông Mai Xuân D vắng mặt, nhưng ông D đã ủy quyền cho bà Trịnh Thị H quyết định các nội dung và nêu ý kiến, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Ngày 03/11/1993, Uỷ ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà M được sử dụng tại tờ bản đồ số 03, thửa đất 147 diện tích 1.250 m^2, trong đó: 200 m^2 đất ở thời hạn lâu dài và 1.050 m^2 thời hạn: tạm giao, địa chỉ thửa đất: Tiểu khu Bệnh Viện 1, thị trấn Nông Trường Mộc Châu.

Ngày 09/4/2004, Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sêri số V 412322 tại Quyết định số 323/QĐ-UBND; số vào sổ cấp GCN 00049/QSDĐ mang tên bà Bùi Thị M được sử dụng đất tại tờ bản đồ số 28, thửa đất số 51, 51a diện tích 1.242m^2, trong đó: 150m^2 đất ở, thời hạn: Lâu dài và 1.092m^2 đất vườn, thời hạn sử dụng: Tạm giao, địa chỉ thửa đất: Tiểu khu Bệnh Viện, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

[3.2] Xét yêu cầu công nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất số V 412322 mang tên bà Bùi Thị M, do Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu cấp ngày 09/4/2004 có tổng diện tích 1.242m^2, đất tại thị trấn Nông Tường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La bao gồm 150m^2 đất thổ cư thuộc tờ bản đồ số 28, thửa đất 51 và 1.092m^2 đất vườn thuộc tờ bản đồ số 28 thửa số 51a.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại thời điểm cấp đất lần đầu năm 1993 gia đình ông Nguyễn Văn Đ có các thành viên gia đình là ông Nguyễn Văn Đ, bà Bùi Thị M, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Bích T1, anh Nguyễn Văn H4, chị Nguyễn Thị M1, chị Nguyễn Thị D1, anh Nguyễn Minh Đ1 là con ông Đ. Hội đồng xét xử xác định, tại thời điểm cấp đất năm 1993 tất cả những người này là con của ông Đ, khi ông Đ chết năm 1997 không để lại di chúc, không có biên bản thỏa thuận nào về việc xác định khối tài sản trên theo phần, vì vậy xác định khối tài sản của ông Đ trong khối tài sản chung là ½ giá trị quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số V412322 mang tên Bùi Thị M, do Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu cấp ngày 09/4/2004 là di sản thừa kế mà ông Nguyễn Văn Đ để lại cho các đồng thừa kế. Đối với những tài sản là công trình vật liệu kiến trúc, cây cối hoa màu đưa vào sử dụng từ năm 1982 được xác định là tài sản chung của vợ chồng bà M và ông Đ tại thời điểm ông Đ còn sống, các tài sản khác là công trình kiến trúc, cây cối H màu trên đất được hình thành sau thời điểm ông Đ chết được xác định không phải là tài sản chung. Do đó cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Bích T1 về yêu cầu công nhận di sản thừa kế. Công nhận ½ giá trị quyền sử dụng đất số V 412322 mang tên bà Bùi Thị M, do Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu cấp ngày 09/4/2004 và ½ giá trị tài sản đưa vào sử dụng năm 1982.

Do các đương sự không yêu cầu chia thừa kế, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3.3] Xét các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị M với ông Mai Xuân D, bà Trịnh Thị H thấy rằng:

Ngày 16/01/2010 bà Bùi Thị M chuyển nhượng diện tích 100m^2 đất thổ cư cho bà Trịnh Thị H, ông Mai Xuân D, có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện: Giấy thỏa thuận nhượng đất nhà ở ngày 16/01/2010 với nội dung: "Thỏa thuận nhượng lại 200m^2 đất (5m mặt đường x chiều dài 40m) với giá 20 triệu đồng" và giấy thỏa thuận nhượng đất thổ cư ngày 16/01/2010 có xác nhận của Trưởng tiểu khu là ông Phạm Văn D với nội dung: "Thỏa thuận nhượng lại 100m^2 đất thổ cư với số tiền 20 triệu đồng, đã trả đủ".

Ngày 28/01/2010, bà M chuyển nhượng diện tích 388m^2 đất cho ông D, bà H, có lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện tại: Giấy chuyển nhượng đất canh tác lâu dài ngày 28/01/2010, có xác nhận của ông Phan Văn Dinh với nội dung: "Thỏa thuận nhượng lại 388m^2 đất (19 cây mận + 01 cây xoan)"

Ngày 07/3/2014, do bà M làm nhà không có chỗ để vật liệu xây dựng nên đã mượn lại diện tích 300m^2 đã đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà H; hai bên lập Hợp đồng cho mượn tài sản, được công chứng tại Văn phòng công chứng Thảo Nguyên. Như vậy, có việc bà M đã chuyển nhượng đất cho ông D, bà H 02 lần, hai bên đã nhận đủ tiền và bàn giao đất.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất, bà H, ông D đã chuyển nhượng lại 02 diện tích đất nêu trên cho anh Nguyễn Văn H1; anh Phạm Thành T3 (vợ M1 Thị Thảo), là con gái và con rể bà H, ông D. Anh Nguyễn Văn H1, anh Phạm Thành T3 đã

xây Dng nhà và xây bờ kè trên diện tích đất nhận chuyển nhượng và sử dụng ổn định; bà Bùi Thị M, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Bích T1 biết nhưng không có ý kiến phản đối.

Ngày 09/02/2015 để có cơ sở làm thủ tục tách bìa anh Nguyễn Văn H1 và bà Bùi Thị M có thống nhất làm giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất bà M đã chuyển nhượng cho ông bà H, D năm 2010, đất có vị trí tại tiểu khu Bệnh Viện 1, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (mảnh đất có giấy chứng nhận quyên sử dụng đất mang tên Bùi Thị M). Kích thước của mảnh đất rộng 5m x 35m chiều dài.

Ngày 26/9/2017 để có cơ sở làm thủ tục tách bìa bà M nhận làm thủ tục chuyển nhượng cho vợ chồng anh T3, chị Thảo thửa đất có kích thước dài 26m x rộng 16m tại tiểu khu Bệnh Viện 1, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La với bên chuyển nhượng là bà Bùi Thị M, trú tại tiểu khu Bệnh Viện 1, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, mảnh đất có hiện trạng: Phía Đông giáp nhà bà Uấn; Phía Tây giáp đường xóm; Phía Bắc giáp đường xóm và nhà ông Quân; Phía Nam giáp nhà bà Bùi Thị M. Hai bên đã tự nguyện nhất trí ký vào giấy chuyển nhượng. Sau khi nhận chuyển nhượng anh chị đã đổ cột bê tông và rào dây thép gai bao quanh khu đất.

[3.4] *Xét các giao dịch liên quan đến 02 thửa đất tranh chấp tại thửa đất số 51, 51a, tờ bản đồ số 28:*

[3.4.1] Đối với Giấy chuyển nhượng đất ngày 16/01/2010 giữa bà Bùi Thị M với bà Trịnh Thị H: Việc chuyển nhượng diện tích 5m mặt đường chạy dài 35m giữa bà Bùi Thị M với bà Trịnh Thị H được thể hiện thông qua 02 hợp đồng chuyển nhượng đất. Lần thứ nhất: hai bên lập giấy chuyển nhượng đất viết tay đề ngày 16/01/2010 diện tích 100m^2 nhưng không ghi rõ vị trí tiếp giáp của thửa đất với giá 20.000.000 đồng; lần thứ hai: hai bên lập giấy chuyển nhượng đất viết tay đề ngày 16/01/2010 diện tích 200m^2 có vị trí tiếp giáp phía tay phải giáp nhà, phía sau giáp đường xóm, giá chuyển nhượng là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Qua xem xét thẩm định, tại chỗ thửa đất có diện tích và tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp phần diện tích đất giữa bà M, bà H, anh T3 đang tranh chấp từ M18 đến M19 rộng 5,12m; phía Tây giáp đường dân sinh từ M18 đến M24 dài 5,77m, từ M24 đến M26 dài 9,92m, từ M26 đến M28 dài 8,41m, từ M28 đến M29 dài 7,10m; phía Nam giáp đường nội thị đi tiểu khu 32 và tiểu khu 40 từ M29 đến M30 rộng 4,1m; phía Đông giáp đất bà M quản lý sử dụng từ M30 đến M19 là 31,7m và 1,5m (từ M18 đến M19), tổng dài là 33,2m.

Đối với thửa đất này, sau khi bà M chuyển nhượng cho bà H, bà H chuyển nhượng lại cho anh Nguyễn Văn H1 bà Bùi Thị M cũng biết, sau khi nhận chuyển nhượng từ bà H, anh H1 đã san ủi nền nhà và T3 hiện việc xây dựng nhà trên thửa đất đó bà M, anh T chị T1 biết và không có ý kiến gì. Đối với thửa đất này bà M hoàn T1 thừa nhận có việc chuyển nhượng đất với ông bà H, D. Do vậy Hội đồng xét xử xác định trên thực tế có việc hai bên thống nhất chuyển nhượng thửa đất trên như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ.

Nay anh T, chị T1 yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà M với ông bà H, D đối với thửa đất này là không có căn cứ. Bởi lẽ sau khi xác lập hợp đồng chuyển nhượng đất để làm thủ tục tách bìa giữa bà M với anh H1, anh H1 đã san ủi nền nhà và thể hiện xây dựng nhà trên thửa đất đó và sử dụng làm chỗ ở cho đến nay. Quá trình anh H1 xây nhà trên thửa đất bà M và anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Bích T1 đều biết và không có ý kiến gì.

Như vậy xác định việc bà M thực hiện giao dịch chuyển nhượng đất giữa bà M với ông bà H, D và giữa bà M với anh Nguyễn Văn H1 để làm thủ tục tách bìa là có thật. Tuy nhiên về hình thức của hợp đồng chuyển nhượng không được công chứng, chứng thực theo quy định. Hơn nữa thửa đất trên được cấp khi ông Nguyễn Văn Đ bố của các anh chị: anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Bích T1, anh Nguyễn Văn H4; chị Nguyễn Thị M1; chị Nguyễn Thị D1, Nguyễn Minh Đ (Đã chết, có vợ là Bùi Thị T3 và 02 con chung là Nguyễn Anh T2, Nguyễn Minh V1) là các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ đã chết để lại. Khi bà M chuyển nhượng đất không thông qua những các đồng thừa kế là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người này. Tuy nhiên quá trình anh Nguyễn Văn H1 xây dựng nhà và các công trình trên thửa đất nhận chuyển nhượng tất cả những người này đều biết và không có ý kiến gì, điều đó thể hiện ý chí của các đồng thừa kế mặc nhiên thừa nhận thửa đất đã được chuyển nhượng cho ông bà H, D và anh H1.

[3.4.2] Đối với Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở ngày 28/01/2010 giữa bà Bùi Thị M với bà Trịnh Thị H.

Việc chuyển nhượng diện tích 388m^2 đất giữa bà Bùi Thị M với bà Trịnh Thị H cũng được lập thành 02 hợp đồng. Lần thứ nhất: hai bên lập giấy chuyển nhượng đất viết tay đề ngày 28/01/2010 diện tích 388m^2 có vị trí tiếp giáp phía Đông giáp nhà ông Sửu; phía Tây giáp đường; phía Bắc giáp đường nhà Quân; phía Nam giáp nhà của bà M trên đất có 19 cây Mận, 01 cây Soan nhưng không ghi giá trị chuyển nhượng. Lần thứ hai: hai bên lập giấy chuyển nhượng đất viết tay đề ngày 08/3/2014 diện tích trên 300m^2 có vị trí tiếp giáp phía Đông giáp nhà ông Sửu; phía Tây giáp đường; phía Bắc giáp đường dân sinh; phía Nam giáp nhà của bà M trên đất có 19 cây Mận, 01 cây xoan nhưng không ghi giá trị chuyển nhượng.

Qua xem xét thẩm định thửa đất có diện tích và tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc và phía Tây giáp đường dân sinh từ M7 đến M8 là 10m, từ M8 đến M11 là 4,6m, từ M11 đến M13 là 5,9m, từ M13 đến M15 là 9,5m, từ M15 đến M17 là 5,1m, từ M17 đến M18 là 2,5m; phía Nam giáp đất bà M đang quản lý sử dụng từ M19 đến M4 là 22,0m và giáp đất bà M, bà H, anh H1 đang có tranh chấp từ M18 đến M19 là 5,12m; phía Đông giáp đất bà Uấn từ M5 đến M6 là 17,08m. Tổng diện tích 377,3m^2.

Đối với thửa đất này, quá trình giải quyết vụ án bà Bùi Thị M không thừa nhận được chuyển nhượng. Tuy nhiên tại các lời khai của ông bà H, D và anh T3, chị Thảo đều xác định có việc chuyển nhượng thửa đất trên với giá 25.000.000

đồng, Tòa án xác minh anh Phùng Khắc Hùng, người trực tiếp xây dựng tường, kè đất đối với thửa đất 388m^2. Anh Hùng cho biết vào đầu năm 2018 dương lịch, anh Hùng được anh Nguyễn Văn H1 giới thiệu đến xây bờ kè cho anh Phạm Thành T3 thửa đất khoảng hơn 300m^2. Thời gian xây Dng công trình khoảng một tuần, quá trình xây Dng bà Bùi Thị M, anh Nguyễn Văn T đều biết, chứng kiến và không có ý kiến gì đối với việc xây dựng. Sau khi xây dựng xong gia đình anh T3 nghiệm thu công trình và thanh toán tiền đầy đủ.

Tòa án xác minh ông Lường Văn Quân, trú tại tiểu khu Bệnh Viện 1, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Ông Quân cho biết: khoảng năm 2015 ông hỏi bà H, M mượn mảnh đất khoảng 400m^2 để trồng ngô, tại thời điểm đó thửa đất không có tranh chấp với ai. Tại thời điểm bà H cho ông mượn đất bà M cũng biết và nói "*không ai làm thì cứ làm"*.

Hơn nữa quá trình giải quyết vụ án ông bà H, D đã cung cấp cho Tòa án Hợp đồng mượn lại tài sản là 388m^2 đất cùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng mượn tài sản đã được công chứng, chứng thực tại Văn phòng Công chứng Thảo Nguyên. Sau khi mượn lại thì bà M không trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để các bên làm thủ tục tách bìa là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà H, D và những người liên quan khác, cụ thể ảnh hưởng trực tiếp đến anh Phạm Thành T3, chị Mai Thị Th người đang quản lý, sử dụng thửa đất.

[3.4.3] Về hình thức của các hợp đồng:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị M với bà Trịnh Thị H ngày 16/01/2010, ngày 28/01/2010 và ngày 06/3/2014 (bằng hình thức giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất) là hợp đồng do hai bên tự lập và ký xác nhận với nhau, chưa được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật nên hợp đồng chưa đảm bảo quy định về hình thức theo điểm b khoản 1 Điều 127 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 2 Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3.4.4] Về nội dung của hợp đồng:

Tại thời điểm bà Bùi Thị M chuyển nhượng đất cho bà Trịnh Thị H, bà M đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Thị M và là chủ sử dụng đất hợp pháp, tuy nhiên tại thời điểm chuyển nhượng gia đình bà còn có anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Bích T1 là con bà M và ông Đ cùng hộ khẩu và các đồng thừa kế phần diện tích đất do ông Nguyễn Văn Đ đã chết để lại có các anh anh Nguyễn Văn H4; chị Nguyễn Thị M1; chị Nguyễn Thị D1, anh Nguyễn Minh Đức (chết năm 2018, có vợ là Bùi Thị T3 và 02 con là Nguyễn Anh T2, Nguyễn Minh V1) là các con của ông Đắc và xác định là các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ chết để lại. Khi bà M chuyển nhượng đất không thông qua những người này là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người này.

Tuy nhiên, qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/02/2023 thì diện tích đất ông bà Đ – M còn lại là 1.198,36m^2 tại thửa đất 51, 51a là tài sản chung của bà M và ông Nguyễn Văn Đ (chồng bà M). Theo quy định thì tài sản của bà M là ½ trong khối tài sản chung của vợ chồng và phần tài sản bà M được hưởng thừa kế

của ông Đ, như vậy phần tài sản của bà M đương nhiên được hưởng là 559,18m^2 và phần tài sản được hưởng của ông Đ. Bà M đã chuyển nhượng cho ông D, bà H tổng diện tích 534,69m^2 (diện tích đo thực tế) là chưa vượt quá phần tài sản của bà M trong khối tài sản chung của vợ chồng bà M, ông Đ. Bà M, ông D, bà H đều thừa nhận bà M đã nhận đủ số tiền 45.000.000 đồng, bà H, ông D đã nhận đất, xây dựng công trình trên đất; bà M và các thừa kế của ông Đ (trong đó có các nguyên đơn là anh T, chị T1) đều biết. Sau đó bà H, ông D chuyển nhượng lại hai thửa đất cho các con rể và con gái là anh Nguyễn Văn H1, anh Phạm Thành T3, chị Mai Thị Th.

Sau khi anh Nguyễn Văn H1, anh Phạm Thành T3, chị Mai Thị Th nhận chuyển nhượng từ ông bà H, D, để có cơ sở làm thủ tục tách bìa theo quy định, giữa bà M với anh H1, anh T3, chị Th có xác lập hợp đồng chuyển nhượng. Sau khi xác lập hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà M với anh H1, anh H1 đã san ủi nền nhà và thể hiện xây dựng nhà trên thửa đất đó và sử dụng làm chỗ ở cho đến nay; anh T3 chị Th đã xây bờ kè. Quá trình anh H1 xây nhà trên thửa đất và anh T3 sử dụng đất bà M và anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Bích T1 đều biết và không có ý kiến gì.

Như vậy xác định việc bà M thực hiện giao dịch chuyển nhượng đất giữa bà M với ông bà H, D và giữa bà M với anh Nguyễn Văn H1, anh T3 để làm thủ tục tách bìa là có thật, điều đó thể hiện ý chí của tất cả những người con của ông Đ mặc nhiên thừa nhận thửa đất đã được chuyển nhượng. Nay anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Bích T yêu cầu hủy các hợp đồng chuyển nhượng giữa bà M, ông D, bà H là không có căn cứ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà H, D và của anh Nguyễn Văn H1, anh Phạm Thành T3.

Theo quy định điểm b.2, Tiểu mục 2.1, Phần II, Nghị Quyết 02/2004/NQ – HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn: Sau khi T3 hiện hợp đồng chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng đã thanh toán đủ tiền, đã trồng cây lâu năm, làm nhà ở kiên cố…và bên chuyển nhượng không phản đối và cũng không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo các quy định của Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Thì Tòa án công nhận hợp đồng. Như đã nhận định phần trên việc bà M chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất cho bà H, D ngày 16/01/2010 và ngày 28/01/2010 tuy vi phạm về hình thức hợp đồng nhưng các bên đã thanh toán đầy đủ số tiền thỏa thuận và thực hiện việc giao nhận đất; việc chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng của các bên đều trên tinh thần tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, lừa dối. Cần công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 16/01/2010 và hợp đồng xác lập ngày 28/01/2010 giữa bà Bùi Thị M với bà Trịnh Thị H, ông M1 Xuân D, trên T3 tế 02 diện tích này ông bà H D đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn H1, anh Phạm Thành T3, chị Mai Thị Th, các anh chị đang quản lý, sử dụng.

[4] *Về các tài sản trên đất và các vấn đề liên quan đến việc sử dụng đất:*

[4.1] Trên thửa đất anh Nguyễn Văn H1 đang sử dụng được định giá tài sản, cụ thể: Giá trị đất 419.401.800 đồng; giá trị tài sản trên đất: 326.293.730 đồng. Do hội đồng xét xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M với ông bà H, D đối với thửa đất này, nên cần giao cho anh Nguyễn Văn H1 quản lý, sử dụng.

[4.2] Thửa đất anh Phạm Thành T3 và chị Mai Thị Th đang quản lý, sử dụng được định giá tài sản, cụ thể: Giá trị đất 542.106.000 đồng; giá trị tài sản trên đất 11.011.368 đồng (trong đó, giá trị anh Nguyễn Văn T xây Dng là 7.921.400 đồng (đã làm tròn số). Do Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M với ông bà H, D đối với thửa đất này, nên cần giao cho anh Phạm Thành T3 quản lý, sử dụng diện tích, đồng thời có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Văn T số tiền 7.921.400 đồng.

Từ những phân tích nhận định trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Bích T1 đối với yêu cầu công nhận di sản thừa kế; không chấp nhận yêu cầu hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M, ông D, bà H xác lập ngày 16/01/2010 và ngày 28/01/2010 cụ thể như sau:

Công nhận ½ giá trị đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V412322 mang tên Bùi Thị M, do Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu cấp ngày 02/4/2004 và ½ giá trị tài sản được đưa vào sử dụng năm 1982 là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ để lại cho các đồng thừa kế.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 16/01/2010 và ngày 28/01/2010 theo nội dung viết tay giữa bà Bùi Thị M với bà Trịnh Thị H có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí:

+ Do yêu cầu của đồng nguyên đơn không được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Bích T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, nhưng được khấu trừ số tiền anh chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001915 ngày 14/12/2018 và số AA/2016/0001904 ngày 10/12/2018.

Chấp nhận ngày 13/01/2022 Chi cục thi hành dân sự huyện Mộc Châu đã trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 6.800.000 đồng, do anh T đã nộp tạm ứng án phí sơ, phúc thẩm theo biên lai số AA/2016/0003695 ngày 02/6/2020 và số AA/2019/0001191 ngày 30/3/2021.

Chấp nhận ngày 13/01/2022 Chi cục thi hành dân sự huyện Mộc Châu đã trả cho chị Nguyễn Thị Bích T1 tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, do chị T1 đã nộp theo biên lai số AA/2019/0002254 ngày 06/4/2021.

Bà Bùi Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tuy nhiên bà Bùi Thị M là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Trả lại cho anh Phạm Thành T3, chị Mai Thị Thảo số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0001017 ngày 03/9/2020, tại Chi cục thi hành án huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Trả lại cho anh Nguyễn Văn H1 số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0001018 ngày 03/9/2020 tại Chi cục thi hành dân sự huyện Mộc Châu.

Trả lại cho ông Mai Xuân D, bà Trịnh Thị H số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000651 ngày 12/9/2018, chấp nhận ngày 13/01/2022 Chi cục thi hành dân sự huyện Mộc Châu đã trả số tiền trên cho ông M1 Xuân D, bà Trịnh Thị H.

[6] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.500.000 đồng, anh Nguyễn Văn T đã nộp T1 bộ chi phí này. Do yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn và bị đơn bà Bùi Thị M về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không được chấp nhận và chấp nhận một phần về yêu cầu công nhận di sản thừa kế nên mỗi người phải chịu 1.500.000 đồng, Do đó, chị T1, bà M có trách nhiệm trả lại cho anh T, theo phần: Bà Bùi Thị M 1.500.000 đồng; chị Nguyễn Thị Bích T1 1.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 121, 122, 697, 698, 699, 700, 701, 702, 733 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 649, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 157, 165, khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 127 Luật Đất đai năm 2003; điểm b, tiểu mục 2.3, mục 2, phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ – HĐTP ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao "Hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình"; Luật Người cao tuổi năm 2009; Nghị quyết số 45/2005/NQ-QH11 ngày 14/06/2005 V/v thi hành Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 6 Điều 26; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Bích T1 về yêu cầu công nhận di sản thừa kế: Công nhận ½ giá trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V412322 mang tên Bùi Thị M, do Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu cấp ngày 09/4/2004 và ½ giá trị tài sản được đưa vào sử dụng năm 1982 là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ để lại cho các đồng thừa kế.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Bích T1 về yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng

đất lập ngày 16/01/2010 và ngày 28/01/2010 giữa bà Bùi Thị M với bà Trịnh Thị H.

3. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 16/01/2010 và ngày 28/01/2010 theo nội dung viết tay giữa bà Bùi Thị M với bà Trịnh Thị H có hiệu lực pháp luật.

3.1. Giao diện tích đất 157,39m^2 thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 28, theo Giấy chứng nhận số V 412322 cấp ngày 09/4/2004 cấp cho bà Bùi Thị M, tại tiểu khu Bệnh Viện, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp phần diện tích đất giữa bà M, bà H, anh T3 đang tranh chấp rộng 5,12m; phía Tây giáp đường dân sinh dài 32,7m; phía Nam giáp đượng nội thị đi tiểu khu 32 và tiểu khu 40 rộng 4,1m; phía Đông giáp đất bà M quản lý sử dụng là 33,2m. Cùng tài sản trên đất gồm: Nhà thưng vách tôn, tường lửng 1,2m, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng, diện tích 76,92m^2; nhà thưng vách tôn, tường lửng 1,2m, mái lợp tôn, nền lát gạch, diện tích 51.15m^2; gác xép sàn gỗ, diện tích 51,15m^2; bếp, tường xây gạch block, mái lợp fibroximăng, nền láng vữa xi măng, diện tích 29.32m^2; sân bê tông, diện tích 11,4m^2; 01 giếng kHn dân dụng cho anh Nguyễn Văn H1 quản lý, sử dụng. (*Chi tiết kích thước thửa đất thể hiện trong sơ đồ đo đạc kèm theo).*

3.2. Giao diện tích đất 377,3m^2 thuộc thửa đất số 51a, tờ bản đồ số 28, theo giấy chứng nhận số V 412322 cấp ngày 09/4/2004 cấp cho bà Bùi Thị M, tại tiểu khu Bệnh Viện, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc và phía Tây giáp đường dân sinh dài 37,6m; phía Nam giáp đất bà M đang quản lý sử dụng là 22,0m và giáp đất bà M, bà H, anh H1 đang có tranh chấp là 5,12m; phía Đông giáp đất bà Uấn là 17,08m. Tài sản trên đất gồm: 01 cây nhãn cho quả trên 10 năm; 01 cây quất hồng bì cho quả từ 03 đến dưới 05 năm; tường bao B40, cột thép, cao 1,2m diện tích 52,08m^2 cho anh Phạm Thành T3 và chị Mai Thị Th quản lý, sử dụng. (*Chi tiết kích thước thửa đất thể hiện trong sơ đồ đo đạc kèm theo).*

3.3. Anh Phạm Thành T3 và chị Mai Thị Th có trách nhiệm thanh toán số tiền 7.921.400đ (*Bảy triệu, chín trăm hai mươi mốt nghìn, bốn trăm đồng*) cho anh Nguyễn Văn T.

3.4. Bà Bùi Thị M và bà Trịnh Thị H, anh Phạm Thành T3, chị Mai Thị Th, anh Nguyễn Văn H1 có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc chuyển nhượng và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

4.1. Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 *(Ba trăm nghìn đồng),* được khấu trừ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số AA/2016/0001904 ngày 10/12/2018 tại Chi cục thi hành án huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

4.2. Chị Nguyễn Thị Bích T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 *(Ba trăm nghìn đồng),* được khấu trừ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số AA/2016/0001915 ngày 14/12/2018 tại Chi cục thi hành án huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

4.3. Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho bà Bùi Thị M.

4.4. Trả lại cho anh Phạm Thành T3, chị Mai Thị Thảo số tiền 300.000 đồng, đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0001017 ngày 03/9/2020 tại Chi cục thi hành án huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

4.5. Trả lại cho anh Nguyễn Văn H1 số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0001018 ngày 03/9/2020 tại Chi cục thi hành án huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

4.6. Chấp nhận Chi cục thi hành dân sự huyện Mộc Châu trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 6.800.000 đồng, theo biên lai số AA/2016/0003695 ngày 12/6/2020 và số AA/2019/0001191 ngày 30/3/2021.

4.7. Chấp nhận Chi cục thi hành dân sự huyện Mộc Châu trả cho chị Nguyễn Thị Bích T1 số tiền 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2019/0002254 ngày 06/4/2021.

4.8. Chấp nhận Chi cục thi hành dân sự huyện Mộc Châu trả cho ông Mai Xuân D, bà Trịnh Thị H số tiền 300.000 đồng, theo biên lai thu số AA/2016/0000651 ngày 12/9/2018.

5. Về chi phí tố tụng:

Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T1, bị đơn bà Bùi Thị M phải trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 3.000.000 đồng tiền chi phí tố tụng, theo phần: Chị Nguyễn Thị Bích T1 1.500.000đ *(Một triệu, năm trăm nghìn đồng),* bà Bùi Thị M 1.500.000đ *(Một triệu, năm trăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đào Ngọc Hà